

Số: 02 /2014/TTLT
BTP-BTC-BLĐTBXH-NHNNVN

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014

AN PHONG CHINH PHU
CÔNG VĂN ĐẾN
C. NGÀY 14/2
TPT(2)

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: S
Ngày: 14/2/2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn việc cung cấp thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án và thực hiện phong tỏa, khấu trừ để thi hành án dân sự

Căn cứ Luật thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành

Thông tư liên tịch hướng dẫn việc cung cấp thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án và thực hiện phong tỏa, khấu trừ để thi hành án dân sự:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn việc cung cấp thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án và thực hiện phong tỏa tài khoản, khấu trừ tiền trong tài khoản, trừ vào thu nhập của người phải thi hành án để thi hành án dân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thi hành án dân sự.
2. Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác.
3. Kho bạc Nhà nước.
4. Cơ quan bảo hiểm xã hội.
5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cho người phải thi hành án dân sự.

Điều 3. Nguyên tắc trao đổi, cung cấp, quản lý và sử dụng thông tin

Việc trao đổi, cung cấp, quản lý và sử dụng thông tin về tài khoản, thu nhập và thực hiện phong tỏa, khấu trừ để thi hành án phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo mật thông tin, giới hạn thông tin được cung cấp.
2. Đầy đủ, chính xác, kịp thời, theo đúng quy định của pháp luật.
3. Sử dụng thông tin đúng mục đích phục vụ công tác thi hành án dân sự.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TÀI KHOẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN

Điều 4. Thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản của người phải thi hành án; cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động, Bảo hiểm xã hội nơi người phải thi hành án nhận tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp và các thu nhập hợp pháp khác cung cấp thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án để thực hiện việc thi hành án dân sự.

Điều 5. Thẩm quyền cung cấp thông tin

Tổng Giám đốc, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản của người phải thi hành án; cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động, Bảo hiểm xã hội nơi người phải thi hành án dân sự nhận tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp và các thu nhập hợp pháp khác có trách nhiệm xem xét, quyết định việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thời hạn cung cấp thông tin

1. Thời hạn cung cấp thông tin không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Thông tư liên tịch này.

2. Trong trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án thì việc cung cấp thông tin được thực hiện ngay sau khi nhận được yêu cầu.

Điều 7. Nội dung, thủ tục cung cấp thông tin

1. Đối với bên yêu cầu cung cấp thông tin:

Thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự.

Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin do người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 4 của Thông tư liên tịch này ký và phải có đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Lý do cần cung cấp thông tin (nêu rõ tên, số, ngày tháng năm của bản án, quyết định, quyết định thi hành án);

b) Các thông tin cần cung cấp (nêu cụ thể loại thông tin, tên, địa chỉ của người có tài khoản, thu nhập cần cung cấp);

c) Thời hạn cung cấp thông tin (thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư liên tịch này);

d) Địa điểm cung cấp thông tin;

đ) Mục đích sử dụng thông tin;

e) Các thông tin khác có liên quan.

2. Đối với bên nhận yêu cầu cung cấp thông tin:

Việc cung cấp thông tin phải thực hiện bằng văn bản của người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Thông tư liên tịch này. Văn bản cung cấp thông tin phải ghi đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Thời gian cung cấp thông tin;

b) Địa điểm cung cấp thông tin;

- c) Nội dung chi tiết các thông tin cung cấp;
- d) Mục đích sử dụng thông tin được cung cấp;
- đ) Người đại diện cho bên cung cấp và bên được cung cấp thông tin;
- e) Những người tham gia vào việc cung cấp và được cung cấp thông tin;
- g) Người làm chứng (nếu có).

Điều 8. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của bên nhận yêu cầu cung cấp thông tin:

a) Các thông tin cung cấp phải đảm bảo tính trung thực, chính xác và đúng đối tượng. Trường hợp không thể đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin thì bên nhận yêu cầu phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do cho bên yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu;

b) Bảo mật việc cung cấp thông tin và nội dung cung cấp thông tin để ngăn chặn các hành vi tẩu tán tài sản, trốn tránh việc thi hành án của người phải thi hành án và các tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc cung cấp thông tin, bao gồm: văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, văn bản cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến việc cung cấp thông tin.

2. Trách nhiệm của bên yêu cầu cung cấp thông tin:

a) Bảo mật thông tin được cung cấp và chỉ sử dụng thông tin, tài liệu theo đúng mục đích;

b) Lưu trữ tài liệu liên quan đến việc cung cấp thông tin trong hồ sơ thi hành án theo đúng quy định của pháp luật, bao gồm: văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, văn bản cung cấp thông tin và các tài liệu khác liên quan đến việc cung cấp thông tin.

Mục 2

PHONG TOẢ TÀI KHOẢN, KHẤU TRỪ TIỀN TRONG TÀI KHOẢN HOẶC TRỪ VÀO THU NHẬP CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN ĐỂ THI HÀNH ÁN

Điều 9. Ra quyết định phong tỏa tài khoản, quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản hoặc quyết định trừ vào thu nhập

Căn cứ văn bản cung cấp thông tin, Chấp hành viên ra quyết định phong tỏa tài khoản, quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản hoặc quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án theo quy định tại Điều 67, Điều 76 và Điều 78 Luật thi hành án dân sự.

Điều 10. Nội dung, thủ tục giao nhận, thực hiện quyết định phong tỏa tài khoản, quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản

1. Quyết định phong tỏa tài khoản phải xác định rõ số tiền bị phong tỏa tương ứng với số tiền cần khấu trừ. Việc giao nhận, thực hiện quyết định phong

toả tài khoản được thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 67 Luật thi hành án dân sự và Điều 11 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự.

2. Quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản phải ghi rõ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP.

Chấp hành viên giao trực tiếp quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án cho người đại diện theo pháp luật của Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác đang quản lý tài khoản của người phải thi hành án hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó và lập biên bản về việc giao quyết định.

Biên bản phải có chữ ký của Chấp hành viên, người nhận quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án. Trường hợp người nhận quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án không ký thì phải có chữ ký của người làm chứng.

Việc khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 76 Luật thi hành án dân sự.

2. Đối với tài khoản của người phải thi hành án mở tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (gọi tắt là TABMIS) thì chỉ thực hiện khấu trừ đối với tài khoản tiền gửi được mở cho các đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân như tiền gửi thu sự nghiệp, tiền gửi các quỹ công chuyên dụng; không khấu trừ đối với tài khoản dự toán được mở cho các đơn vị thụ hưởng kinh phí của ngân sách nhà nước, các tổ chức ngân sách theo hình thức cấp bằng dự toán gồm: tài khoản dự toán chi thường xuyên, dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản, dự toán chi đầu tư phát triển khác, dự toán chi kinh phí uỷ quyền; dự toán chi chuyển giao và tài khoản có tính chất tiền gửi được mở cho các cơ quan thu để phản ánh các khoản phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý theo quy định của pháp luật, các khoản thu phí, lệ phí.

Điều 11. Nội dung, thủ tục giao nhận, thực hiện quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án dân sự

1. Quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành phải ghi rõ các nội dung sau:

- a) Ngày, tháng, năm ban hành quyết định;
- b) Căn cứ ban hành quyết định;
- c) Họ tên Chấp hành viên;
- d) Họ tên người phải thi hành án;
- đ) Số tiền phải trừ vào thu nhập;
- e) Số tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự nhận tiền bị khấu trừ;

g) Thời hạn thực hiện việc khấu trừ.

2. Chấp hành viên giao trực tiếp quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án cho người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động, Bảo hiểm xã hội nơi đang quản lý tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp và các thu nhập hợp pháp khác của người phải thi hành án dân sự hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó và lập biên bản về việc giao hồ sơ khấu trừ vào thu nhập.

Biên bản phải có chữ ký của Chấp hành viên, người nhận quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. Trường hợp người nhận quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án không ký thì phải có chữ ký của người làm chứng.

3. Khi nhận được quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án, cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động, Bảo hiểm xã hội nơi đang quản lý tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp và các thu nhập hợp pháp khác của người phải thi hành án dân sự phải khấu trừ tiền để chuyển vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự hoặc chuyển cho người được thi hành án theo quyết định trừ vào thu nhập.

4. Trường hợp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án dân sự thông qua Bảo hiểm xã hội thì người phải thi hành án dân sự có trách nhiệm ký nhận vào danh sách chi trả lương hưu hoặc tiền trợ cấp mất sức lao động hàng tháng. Trường hợp người phải thi hành án dân sự cố tình không ký vào biểu mẫu đã quy định thì cần lập biên bản và Chấp hành viên ký thay đương sự đối với số tiền khấu trừ để nhận số tiền khấu trừ đó và chuyển biên lai thu tiền thi hành án cho cơ quan trừ vào thu nhập làm thủ tục quyết toán.

Điều 12. Hồ sơ trừ vào thu nhập của người phải thi hành án dân sự thông qua Bảo hiểm xã hội

Hồ sơ làm căn cứ để thực hiện trừ thu nhập từ tiền lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hàng tháng của người phải thi hành án dân sự là hồ sơ do cơ quan thi hành án dân sự gửi đến Bảo hiểm xã hội nơi người phải thi hành án dân sự nhận lương hưu hoặc tiền trợ cấp mất sức lao động hàng tháng và các thu nhập hợp pháp khác, gồm:

1. Quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án dân sự.
2. Bản sao bản án, quyết định (có xác nhận của cơ quan thi hành án dân sự).
3. Quyết định thi hành án dân sự.
4. Công văn của cơ quan thi hành án dân sự đề nghị khấu trừ lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng hoặc các thu nhập hợp pháp khác của người phải thi hành án.

Mục 3 CHI PHÍ THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Chi phí phục vụ cung cấp thông tin, khấu trừ tiền trong tài khoản, trừ vào thu nhập

Chi phí phục vụ cung cấp thông tin, khấu trừ tiền trong tài khoản, trừ vào thu nhập được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 14. Xử lý vi phạm trong phối hợp cung cấp thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án dân sự và thực hiện phong tỏa tài khoản, khấu trừ tài khoản, trừ vào thu nhập để thi hành án

Việc xử lý vi phạm trong cung cấp thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án và thực hiện phong tỏa, khấu trừ để thi hành án được thực hiện theo đúng quy định của Luật thi hành án dân sự, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và các văn bản pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp thông tin mà không có lý do chính đáng hoặc cung cấp không đúng, không đầy đủ thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án hoặc tiết lộ thông tin để người phải thi hành án chuyển, rút tiền khỏi tài khoản làm ảnh hưởng đến quá trình thi hành án hoặc không thực hiện quyết định phong tỏa, khấu trừ để thi hành án thì tùy từng trường hợp mà bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm lộ thông tin hoặc lạm dụng thông tin đã được cung cấp vào mục đích khác thì tùy từng trường hợp mà bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc cung cấp thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án và việc phong tỏa, khấu trừ để thi hành án thì tùy từng trường hợp mà bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ mức độ vi phạm, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên đang thi hành vụ việc có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này. Mức xử phạt áp dụng theo quy định tại chương V Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên đang thi hành vụ việc đề nghị người có thẩm quyền xem xét việc xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

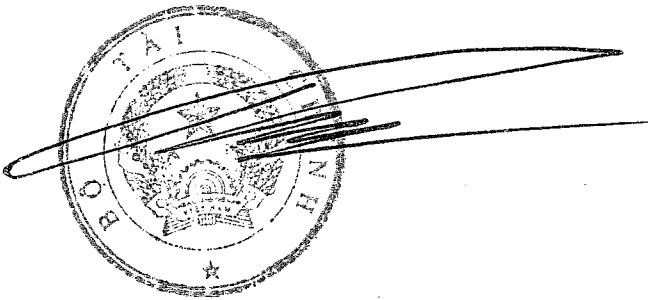
Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2014.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước để nghiên cứu, giải quyết theo thẩm quyền.

Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Thông tư liên tịch này. /.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung

**KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đặng Thanh Bình

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG
- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Minh Huân

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**



Đinh Trung Tụng

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tư pháp; Website Bộ Tài chính;
Website Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Website Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Lưu: VT Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục THADS. *th*